座位号：_____

姓名：_____

机密★启用前

# 2020年8月高等教育自学考试全国统一考试

# 高级越语（二）

（课程代码　04431）

注意事项：

1．应考者必须按试题顺序在答题卡（纸）指定位置上作答，答在试卷上无效。

2．涂写部分、画图部分必须使用2B铅笔，书写部分必须使用黑色字迹签字笔。

一、单词翻译题Ⅰ：本大题共10小题，每小题1分，共10分。请将下列越语单词翻译成中文。

1．ba-lô

2．bản sắc

3．cảm tưởng

4．dân số

5．đáng yêu

6．ghen tỵ

7．họ hàng

8．khuất

9．lỡ

10．rạng rỡ

二、单词翻译题Ⅱ：本大题共10小题，每小题1分，共10分。请将下列中文单词翻译成越语。

11．危机

12．辛苦

13．呈递、呈报

14．争夺、角逐

15．化妆、装扮



16．失足

17．信封

18．烤

19．摇篮

20．原则

三、同义词或近义词题：本大题共10小题，每小题1分，共10分。请用越语写出下列词语的同义词或近义词。

21．lừa

22．tức khắc

23．âu sầu

24．tập hợp

25．đàn ông

26．mừng rỡ

27．nhất thiết

28．đổi mới

29．gìn giữ

30．tiềm lực

四、句子翻译题Ⅰ：本大题共5小题，每小题4分，共20分。请将下列越语句子翻译成中文。

31．Cây tre chiếm vị trí quan trọng trong tình cảm, nếp sống văn hóa của con người Việt Nam. Khắp xóm thôn, làng bản, trên mọi nẻo đường đất nướcViệt Nam, nơi nào cũng có tre.

32．Tại sao trong quá trình tiến hóa hàng triệu năm của loài người lại không loại bỏ tất cả những gien chỉ tồn tại để hành hạ hoặc giết chết con người?

33．Cuối cùng, quãng đường gian nan này cũng đã vượt qua. Trời sáng dần. Nhìn về phương Nam, mặt biển có vẻ trong sáng hơn.

34．Nhiệm vụ của anh ấy là phải bảo đảm một đoạn đường sắt tám ki-lô-mét giữa vùng rừng núi, ngày cũng như đêm lúc nào cũng tốt, không để xảy ra tai nạn cho các chuyến xe lửa qua lại.

35．Đọc cổ tích, em có cảm tưởng mỗi lần Bụt xuất hiện là người hiền gặp lành, kẻ ác thất bại, cái tốt đẩy lùi cái xấu.

**五、句子翻译题Ⅱ：本大题共 5 小题，每小题 4 分，共 20 分。请将下列中文句子翻译成越语。**

36．你顺着这条路一直向前走，会看到一栋朝北的三层楼房，那就是我们学校的办公楼了。

37．趁着陪团长上街的机会，小王顺便买了一些日用品。

38．直到现在也没有人能说清楚那次事故是怎样发生的。

39．现代生物技术为人类解决粮食、药品和环境等问题开辟了一条新的途径。

40．听说暑假里学校要组织志愿者去支援贫困地区，同学们都想报名参加。

**六、造句题：本大题共 5 小题，每小题 3 分，共 15 分。请用下列词语各造一个越语句子。**

41．vừa...thì...

42．kể từ

43．bắt tay vào

44．xa lạ

45．hơn thế

**七、短文写作：本大题共 1 小题，每小题 15 分，共 15 分。根据题目内容，用越语写一篇不少于 300 字的短文。**

46．Quê hương của tôi